TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/DS-ST
Ngày: 20-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du;

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST-DS ngày 03/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐST-DS ngày 29/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đàm Thị C, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Sỹ B, sinh năm 1986; địa chỉ: đường T, Phường A, quận B, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Thanh L, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện C, Thành phố H. Có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Chí P, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

4.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 và trong quá quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Sỹ B trình bày như sau:

Do có quen biết nhau, nên vào ngày 25/10/2012, bà Võ Thị L và bà Đàm Thị C có lập văn bản giấy mượn tiền, bà C có cho bà L vay số tiền 999.000.000 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu đồng), không tính lãi, thời hạn vay là 01 tháng, việc vay tiền có bà Võ Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Chí P làm chứng, để đảm bảo cho việc vay tiền và cam kết trả đúng thời hạn khi vay tiền thì bà L có đưa cho bà C 01 bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số W704868 thuộc thửa đất số 339-2 và 340-4, tờ bản đồ số 7 với tổng diện tích 99m^2, được UBND huyện C, Tp.HCM cấp Giấy CNQSD đất vào ngày 14/01/2003 cho ông Võ Thanh L. Kể từ ngày hết thời hạn vay cho đến nay, bà C đã yêu cầu bà L thanh toán số tiền trên nhiều lần nhưng bà L vẫn không thanh toán số tiền trên.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L trả cho bà Đàm Thị C số tiền gốc 999.000.000 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Trong trường hợp bà L thanh toán cho bà C khoản tiền vay mượn nêu trên thì bà C sẽ trả lại cho bà L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà L đã giao cho bà C. Trường hợp bà L vẫn không thanh toán thì bà C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên tài sản là Giấy CNQSD đất do ông Võ Thanh L đứng tên với diện tích 99 m^2 thuộc thửa đất số 339-2, 340-4 thuộc tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn là bà Võ Thị L: Đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện cũng như đến tham gia các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án, nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Kiều O: Đã được Tòa án tống đạt hợp L các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

3.2. Ông Võ Thanh L trình bày:

Bà Võ Thị L là em của ông, bà L có mượn của ông Giấy CNQSD đất để tạm cầm ngân hàng mua chiếc xe tải làm phương tiện để có thu nhập cho gia đình, ông thấy hoàn cảnh bà L khó khăn nên mới cho mượn, sau một thời gian ông có yêu cầu bà L trả lại GCNQSDĐ nhưng bà L nói đã làm thất lạc. Đầu năm 2016, ông cần sửa chữa nâng cấp chùa nên ông có làm đơn cớ mất giấy CNQSD đất và xin cấp bản nhì, và sau đó lên thổ cư và được UBND huyện C chấp nhận.

Ông không có liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà C và bà L, đề nghị bà C và bà L giải quyết với nhau. Ông không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là kê biên là quyền sử dụng đất trên, vì hiện nay quyền sử dụng đất trên ông đã xây chùa và ông đã xuất gia từ năm 2014 cho đến nay.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Chí P trình bày:

Ông không có quan hệ thân thuộc gì với bà C hay bà L gì, ông với bà C là hàng xóm của nhau, còn bà L thì ông có gặp mặt một lần tại nhà bà C. Vào năm 2012, ngày nào thì ông không nhớ, ông có đến nhà bà C chơi thì bà C có nói với ông là bà C có cho bà L vay tiền số tiền 999.999.000 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu đồng) và bà C có nhờ ông ký vào giấy mượn tiền và ông có ký vào giấy mượn tiền trên, ngoài ra ông không biết gì thêm.

4.2. Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 25/10/2012, tại ấp C, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, bà có chứng kiến việc bà Võ Thị L mượn một khoản tiền từ bà Đàm Thị C, việc mượn tiền này các bên có lập thành văn bản (giấy mượn tiền) với số tiền 999.000.000 đồng. Việc bà L vay mượn tiền ngoài bà và ông Trần Chí P, được bà L và bà C nhờ làm chứng thì còn có cháu của bà L là bà Võ Thị Kiều O cùng ký làm chứng. Bà cam kết những lời trình bày trên là đúng sự thật và xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Hoàng Sỹ B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu nhận xét về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật, thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều O đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ là 999.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kê biên đối GCNQSDĐ mang tên ông Võ Thanh L là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều O, nhưng bà L và bà O vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và bà Oanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị C là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Võ Thị L có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 25/10/2012, giữa bà C và bà L đã xác lập văn bản "Giấy mượn tiền" có nội dung như sau:

"Hôm nay là ngày 25 tháng 10 năm 2012, tại ấp Cà Tong xã Thanh An huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương

Tôi tên: Võ Thị L sinh năm 1958

CMND số: 280322878 cấp ngày 9/05/2008 tại công an tỉnh Bình Dương số nhà A –phường P Tp. T Bình Dương

Tôi có mượn chị Đàm Thị C sinh năm 1957

HKTT: ấp C xã A huyện D tỉnh Bình Dương

Với số tiền 999.000.000 (chín trăm chín mươi chín triệu)

Tôi có mượn số tiền trên là đúng sự thật nếu có gian dối gì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tôi hứa một tháng sau tôi sẽ hoàn trả số tiền trên theo đúng thời hạn".

Xét bản chất của "Giấy mượn tiền" trên là hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật. Do đó, hợp đồng nêu trên đã phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải tuân thủ thực hiện. Khi đến hạn thanh toán, nhưng bà Võ Thị L không thanh toán cho bà C, nên bà C khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán khoản vay đối với số tiền 999.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị C đối với bị đơn bà Võ Thị L về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Khi cho vay nguyên đơn có giữ của bị đơn 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W704868, có số vào sổ cấp giấy CNQSD đất 13/QSDĐ/CQ thuộc thửa đất số 339-2 và 340-4, tờ bản đồ số 7 với tổng diện tích 99 m^2 được UBND huyện C, Tp.HCM cấp GCNQSD đất cho ông Võ Thanh L vào ngày 14/01/2003. Nay nguyên đơn có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên tài sản là GCNQSD đất trên.

Xét GCNQSD đất trên không liên quan đến nội dung vụ án, vì ông Võ Thanh L không có vay tiền của bà Đàm Thị C. Hơn nữa, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 1015 ngày 26/4/2016 về việc hủy bỏ GCNQSDĐ số 13/QSDĐ/CQ do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 14 tháng 01 năm 2003 cho ông Võ Thanh L. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên tài sản đối với GCNQSD đất trên là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị C được chấp nhận, nên bị đơn bà Võ Thị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án. Tuy nhiên, bà Võ Thị L đến nay đã hơn 60 tuổi, nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị C đối với bị đơn bà Võ Thị L về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bị đơn bà Võ Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà

Đàm Thị C số tiền 999.000.000 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Võ Thị L được miễn nộp.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.TDM;
- Chi cục THADS Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương